

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2022/HS-ST

Ngày 09 - 8 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thu Hương.

Ông Nguyễn Đức Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2022/TLST - HS ngày 01 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1978 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D1 và bà Tống Thị H; vợ Nông Thị Kim O và có 02 người con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/4/2022 đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nông Thị Kim O, sinh năm 1978, vắng mặt;
2. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1962, vắng mặt;
3. Anh La Văn T, sinh năm 1991, có mặt;
4. Chị La Thị H1, sinh năm 1987, có mặt;

5. Anh La Văn C1, sinh năm 1989, có mặt;
 6. Ông Lương Văn C2, sinh năm 1976, có mặt;
 7. Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1984, có mặt;
 8. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992, có mặt;
- Cùng địa chỉ: Thôn N1, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác tuần tra bảo vệ rừng, Hạt Kiểm lâm huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phát hiện có hành vi chặt phá rừng tại khu M, thôn P, xã K, huyện T thuộc Thửa số 127, lô số 47a, khoảnh 2, tiểu khu 51(thửa số 127); Thửa số 88, lô số 41, khoảnh 2, tiểu khu 51 (thửa số 88), tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã Kim Đồng. Kết luận giám định tư pháp ngày 10/02/2022 của Hạt Kiểm lâm huyện Tràng Định xác định hiện trạng rừng tại thửa số 127 có diện tích 119.749m², trong đó có 10ha (100.000m²) là rừng sản xuất nằm trong dự án được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển từ rừng tự nhiên nghèo kiệt sang rừng sản xuất là rừng trồng và 1,97 ha (19.700m²) là loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên thuộc rừng cần khoanh nuôi bảo vệ, theo đó: 10ha là rừng sản xuất nằm trong dự án được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt tại Quyết định số 1451/QĐ-UBND, ngày 18/4/2017, cho phép chuyển từ rừng tự nhiên nghèo kiệt sang rừng sản xuất là rừng trồng; dự án thực hiện trong vòng 10 năm từ năm 2017 đến 2027. Tại thời điểm giám định có hiện trạng: Rừng trồng quế năm 2017 có diện tích 24.904,1m²; Đất trống, cỏ tranh, lau rách, cây bụi đã phát dọn thực bì năm 2021 có diện tích 16.789,4m² và thuộc đối tượng được xử lý thực bì để trồng rừng; Rừng tự nhiên nghèo kiệt đã bị chặt phá năm 2021 có diện tích: 58.355,5m² (do dự án phê duyệt vẫn đang trong quá trình thực hiện nên được phép phát dọn thực bì để trồng rừng); Đối với 1,97 ha (19.700m²) rừng cần khoanh nuôi bảo vệ, xác định: Rừng trồng đã thành rừng (Trồng keo năm 2017) có diện tích: 11.058,9m²; Rừng tự nhiên nghèo kiệt đã bị chặt phá năm 2021 có diện tích: 7.595,4m²; Diện tích rừng tự nhiên chưa bị tác động là: 1.045,7m².

Đối với diện tích chưa được phép chặt phá có diện tích 7.595,4m², qua điều tra xác định được: Thửa số 127 tại thôn P, xã K, huyện Tràng Định với diện tích 119.749m² là đất rừng sản xuất; năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện Tràng Định giao và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn C quản lý và sử dụng; do có nhu cầu thực hiện Dự án trồng rừng bằng nguồn vốn vay theo Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND, ngày 27/12/2007 của UBND tỉnh Lạng Sơn (Quyết định 39), nên ngày 04/3/2017, ông C có Đơn xin vay vốn trồng rừng tại

thửa đất trên, qua kiểm tra, thẩm định, ngày 18/4/2017, UBND huyện ban hành Quyết định số 1451/QĐ-UBND, Phê duyệt Dự án đầu tư trồng rừng bằng nguồn vốn vay theo Quyết định 39 đối với hộ gia đình ông C với diện tích 10ha với thời gian thực hiện 10 năm, còn 1,97ha (19.749m²) thuộc rừng cần được khoanh nuôi và bảo vệ. Sau khi có quyết định phê duyệt, ông Hoàng Văn C đã phát dọn trồng cây Quế và Keo với diện tích 35.963m² (trong đó: 24.904,1m² thuộc dự án được phê duyệt; 11.058,9m² thuộc rừng cần khoanh nuôi bảo vệ); do không còn nhu cầu thực hiện dự án ngày 06/8/2020, ông Hoàng Văn C đã làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ diện tích còn lại của thửa đất số 127 khoảng 08ha (80.000m²) chưa trồng rừng cho Nguyễn Văn D với giá 184.000.000 đồng; trong khoảng tháng 10, 11/2021 Nguyễn Văn D thuê người thuê người chặt phá, phát dọn toàn bộ diện tích rừng D mua với ông C, mục đích để trồng cây Quế; D đã thuê 06 người gồm La Văn T1, La Thị H1, La Văn C1, Lương Văn C2, Hoàng Văn V và Nguyễn Thị T1.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn số 22/KL-HĐĐGTS ngày 22 tháng 4 năm 2022 kết luận: Giá trị 13,35m³ gỗ, 729 cây vầu và lâm sản ngoài gỗ bị chặt phá trên tổng diện tích 7.595,4m² rừng khoanh nuôi bảo vệ tại thửa số 127 là 9.955.500 đồng, giá trị rừng bị thiệt hại là 9.336.525 đồng.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKSTĐ ngày 01/7/2022, đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cũng như số liệu đo diện tích rừng và kết luận định giá tài sản như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận về nguồn gốc số rừng trên và hiện nay do bị cáo quản lý, sử dụng; bị cáo thừa nhận là rừng sản xuất thuộc rừng tự nhiên nằm trong dự án được phép chuyển sang rừng trồng, nên đã thuê người chặt phá để tiếp tục trồng cây Quế trên diện tích rừng đã được phê duyệt dự án. Tuy nhiên trong quá trình thuê người chặt phá, phát dọn diện tích rừng bị cáo đã chỉ đạo, hướng dẫn mọi người phát lẩn sang đất rừng cần khoanh nuôi bảo vệ mà chưa được sự cho phép của cơ quan có chức năng là 7.595,4 m²; số tiền bị cáo nộp khắc phục hậu quả bị cáo tự nguyện nộp hết số tiền thừa sung vào ngân sách Nhà nước. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khác có mặt tại phiên tòa, thừa nhận lời khai của bị cáo là đúng và không có ý kiến bổ sung. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xử vắng mặt được công bố đều thừa nhận lời khai đã khai tại cơ quan điều tra và không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền các bị cáo đã khắc phục là tình

tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Hủy hoại rừng”; áp dụng thêm điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 đến 3 năm cải tạo không giam giữ, khấu trừ từ 5 đến 10% thu nhập hàng tháng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 20 đến 30 triệu đồng đối với bị cáo; đề nghị tịch thu tiêu hủy tang vật không còn giá trị mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội, đối với tài sản còn giá trị, đề nghị tuyên tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước; đối với số tiền các bị cáo khắc phục hậu quả, đề nghị tịch thu vào ngân sách Nhà nước.

Trong phần tranh luận: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo cải tạo tại địa phương để có điều kiện tiếp tục khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đối với bà Nông Thị Kim O và ông Hoàng Văn C. Xét thấy bà O và ông C đã có đơn xin xử vắng mặt và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận đã thuê người phát vượt diện tích nằm trong dự án trồng rừng là 7.595,4m², lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra và các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Hủy hoại rừng, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân huyện Trảng Định truy tố đối với bị cáo là có căn cứ. Để có mức án phù hợp với bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội về hành vi, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo, thấy rằng:

[4] Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thấy rằng: Bị cáo đủ tuổi để nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, biết rõ phát rừng sản xuất khi chưa được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật. Mặc dù hành vi của bị cáo không phải hành vi hủy hoại rừng nhằm mục đích lấy gỗ, tư lợi trực tiếp từ việc khai thác cây rừng, mà vì mục đích phát triển kinh tế, thay thế cây trồng. Tuy nhiên, hành vi phát vượt quá này không tuân theo các quy định của pháp luật nên cần phải được xử lý theo quy định; về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng bị vi phạm pháp luật, chưa bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật, có việc làm ổn định, trong quá trình công tác được cơ quan có thẩm quyền tặng Giấy khen, do đó, được xác định là có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Ngoài tình tiết định khung, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 9.500.000 đồng để khắc phục hậu quả, mặt khác trong quá trình công tác, bị cáo được Ủy ban nhân dân huyện Trảng Định tặng Giấy khen. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với việc hủy hoại rừng tại thửa đất số 88 theo như kết quả báo cáo, kiểm tra của Kiểm lâm địa bàn và Ủy ban nhân dân xã K, xác định người thực hiện hành vi chặt phá là Nông Văn D2, Cơ quan tiến hành tố tụng huyện Trảng Định đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử Nông Văn D2 phạm tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự nên không xem xét trong vụ án này.

[7] Đối với La Văn T1, La Thị H1, La Văn C1, Lương Văn C2, Hoàng Văn V và Nguyễn Thị T1, là những người lao động Nguyễn Văn D thuê chặt phát rừng không biết việc phát rừng phải được phép nên không xem xét trách nhiệm hình sự. Đối với ông Hoàng Văn C, năm 2017 khi thực hiện theo dự án được phê duyệt, tại thời điểm đó ông C không được cấp có thẩm quyền cắm mốc, chỉ rõ ranh giới giữa diện tích đất được phê duyệt dự án trồng rừng, nên không biết mốc, ranh giới diện tích cần khoanh nuôi bảo vệ đã chặt phá lấn sang diện tích rừng khoanh nuôi bảo vệ để trồng cây Keo với diện tích 11.058,9m², do đó không có căn cứ để xem xét trách nhiệm pháp lý đối với ông C; hiện nay diện tích này đã thành rừng trồng. Đối với Nông Thị Kim O là vợ của Nguyễn Văn D được cùng D

đi thuê người để phát rừng, O đã dặn chồng là Nguyễn Văn D thực hiện phát theo dự án đã được phê duyệt để trồng rừng, nhưng O không biết trong quá trình sau đó D đã chỉ đạo, hướng dẫn người chặt phá, phát dọn rừng, phát lấn sang đất rừng cần khoanh nuôi bảo vệ, nên không xem xét trách nhiệm pháp luật đối với Nông Thị Kim O.

[8] Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, chỉ cần có mức án phù hợp, tương xứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện, không cần thiết buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội, đồng thời bị cáo có nghề nghiệp ổn định, và phải khấu trừ một phần thu nhập sẽ đảm bảo tính giáo dục riêng, răn đe, phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có nghề nghiệp ổn định, qua xác minh có điều kiện để áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, Do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội không còn giá trị; đối với chiếc cửa máy còn giá trị cần tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền bị cáo nộp khắc phục thiệt hại về rừng, cần tịch thu vào ngân sách Nhà nước.

[11] Từ những nhận định này, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[12] Về án phí: Bị cáo bị tuyên là có tội thì phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 243; Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với cả hai bị cáo. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Hủy hoại rừng”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh

Lạng Sơn giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hằng tháng. Thời gian khấu trừ tính từ thời điểm thi hành án.

Phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn D 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu để tiêu hủy: 01 dao kim loại màu đen, dài 35cm, rộng 05cm, cán gỗ dài 10cm, thu giữ của Nguyễn Thị T1; 01 dao kim loại màu đen, dài 35cm, rộng 05cm, cán gỗ dài 20cm, thu giữ của La Văn C1; 01 dao kim loại màu đen, dài 35cm, rộng 05cm, cán gỗ dài 10cm, thu giữ của La Thị H1; 01 dao kim loại màu đen, dài 35cm, rộng 05cm, cán gỗ dài 20cm, thu giữ của La Văn T1; 01 dao kim loại màu đen, dài 35cm, rộng 05cm, thu giữ của Hoàng Văn V, tất cả đều đã qua sử dụng.

3.2. Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 máy cưa hiệu NEWWEST, màu nâu-cam, lưỡi dài 50cm, phần xích tháo rời của Lương Văn C2.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2022 giữa Công an huyện Tràng Định và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn).

3.3. Tịch thu vào Ngân sách Nhà nước số tiền 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng do Nguyễn Văn D nộp, theo biên lai số 0006547, ngày 05/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Công an huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- Bị cáo tại ngoại (theo địa chỉ)
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án; tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bẩy

